

Bản án số: 37/2018/HS-ST
Ngày: 30-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Ương.

Thẩm phán: Ông Mã Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Đức Tôn,

Ông Bùi Duy Tuân,

Ông Nông Văn Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nương- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 23/2018/TLST-HS ngày 15/6/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2018/QĐXXST-HS ngày 13/7/2018 đối với các bị cáo:

1. Phùng Văn G1, sinh ngày 11/10/1962;

Nơi cư trú: Xóm C1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 10/10 Bỏ túc; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phùng Văn N (sinh năm 1937) và bà Hoàng Thị B (sinh năm 1938); có vợ: Hoàng Thị N (sinh năm 1962) và 04 con. Tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 31/01/2018.

Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Cao Bằng. **Có mặt.**

2. Nông Văn P1, sinh ngày 10/9/1987;

Nơi cư trú: Xóm R 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H (sinh năm 1927) và bà Hứa Thị S (sinh năm 1941); có vợ Nông Thị N (sinh năm 1985) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt ngày 25/12/2017.

Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng. (Bắt từ ngày 25/12/2017); **Có mặt.**

Người bào chữa:

Bà A - Luật sư thuộc Văn phòng luật sư A - Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo Phùng Văn G1; **Có mặt.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hoàng Văn N1, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Có mặt.**

2. Triệu Văn L1 - Sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm P 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Có mặt.**

3. Hoàng Thị N1 - Sinh năm 1962.

Trú tại: Xóm P 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Có mặt.**

Người làm chứng.

1. NLC1 - Sinh năm 1998.

Trú tại: Bản H, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Vắng mặt.**

2. NLC2 - Sinh năm 1984.

Trú tại: R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Vắng mặt.**

3. NLC3 - Sinh năm: 1972.

Trú tại: R 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Vắng mặt.**

4. NLC4 - Sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Vắng mặt.**

5. NLC5 - Sinh năm 1980.

Trú tại: Xóm R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng. **Vắng mặt.**

6. NLC6 - Sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm L1 , xã Đ, huyện K, Cao Bằng. Vắng mặt.

7. NLC7 - Sinh năm 1982.

Trú tại: Bản L2, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 45 phút, ngày 25/12/2017 Tổ ma túy, đội cảnh sát điều tra công an huyện K, tỉnh Cao Bằng, phối hợp với Công an xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng, bắt quả tang Nông Văn P1, sinh năm 1987 (trú tại xóm R 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy (tại xóm R 2, Đức Hồng, Trùng Khánh, Cao Bằng). Vật chứng thu giữ: 01 gói ni lon màu đen, buộc dây chun màu vàng, bên trong chứa chất rắn màu trắng tại mép nương nước cạnh đường ngay chỗ P1 đang đứng, qua cân xác định có khối lượng là 3,60 gam (ba phẩy sáu không gam); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu trắng đã qua sử dụng và 01 xe máy biển kiểm soát 11F4- 54xx. Đến 20 giờ 50 phút cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của P1, thu giữ được: 01 hộp kim loại màu xanh kích thước 9,5 cm x 6cm x 2cm, bên trong chứa nhiều mảnh giấy bạc màu trắng cắt vuông, 1 chiếc kéo và 1 nửa lưỡi dao lam; 01 lọ nhựa trắng hình trụ kích thước 2cm x 5cm; 1 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đen đã qua sử dụng và số tiền 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Nông Văn P1 khai nhận: Gói ma túy công an thu giữ là của P1 vừa mua với Phùng Văn G1, sinh năm 1962 (trú tại xóm C1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng), mục đích là để sử dụng và bán lại kiếm lời. Khi bị công an phát hiện, P1 lo sợ nên đã ném gói ma túy xuống mép đường cạnh nương nước.

Qua xác minh, hồi 19 giờ 20 phút, ngày 31/01/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã khám xét người và chỗ ở của Phùng Văn G1. Vật chứng thu giữ: 01 gói ni lon màu đen, bên trong có 03 (ba) gói ni lon màu đen, được buộc bằng dây chun màu vàng, bên trong mỗi gói ni lon màu đen là gói ni lon màu hồng, buộc bằng dây chun màu vàng, chứa các cục chất rắn màu trắng, G1 khai là Heroine, mua về để sử dụng và bán lại kiếm lời. Qua cân xác định có khối lượng là 120,34 gam (một trăm hai mươi phẩy ba mươi tư gam); tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel, 01 điện thoại di động Iphone đều đã qua sử

dụng, 01 nhẫn kim loại màu vàng và 280.710.000đ (hai trăm tám mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Ngày 08/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền.

Trước Cơ quan điều tra Nông Văn P1 khai nhận: Để có ma túy sử dụng cho bản thân, Nông Văn P1 thường đi mua ma túy về chia nhỏ, để dùng và bán lại cho người khác kiếm lời. Khoảng 18 giờ, ngày 25/12/2017 P1 một mình đến nhà Phùng Văn G1, mua với G1 được 01 (một) gói Heroine được gói bằng ni lon màu đen, buộc bằng dây chun màu vàng, giá 2.000.000,đ (Hai triệu đồng). P1 cầm gói Heroine về đến đoạn đường (thuộc xóm R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) thì bị phát hiện, do lo sợ, P1 đã ném gói Heroine ra lề đường bên trái, cạnh nơi P1 đứng, thì bị tổ công tác Công an huyện K bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên. Quá trình điều tra, P1 còn thừa nhận, tháng 11/2017 P1 được mua với G1 01 gói Heroine giá 2.000.000,đ (Hai triệu đồng) đem về chia nhỏ để dùng và bán lại cho các đối tượng khác, cụ thể như sau:

Bán cho NLC1 (trú tại xóm Bản H, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng) 02 gói Heroine, mỗi gói 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) vào các ngày 23 và 24/12/2017.

Bán cho NLC3, sinh năm 1972 (trú tại R 1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) 02 gói Heroine, mỗi gói 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) vào ngày 20 và 25/12/2017.

Bán cho NLC2, sinh năm 1984 (trú tại R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) 02 gói Heroine, mỗi gói 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng) vào giữa tháng 12 và ngày 24/12/2017.

Bán cho NLC7, sinh năm 1982 (trú tại bản L, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng) 04 gói Heroine, P1 nhớ lần gần đây nhất là ngày 25/12/2017 bán cho Vĩnh 01 gói giá 50.000,đ (năm mươi nghìn đồng).

Bán cho NLC6, sinh năm 1984 (trú tại xóm L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) 02 gói Heroine, mỗi gói 100.000,đ (một trăm nghìn đồng) vào các ngày 24 và 25/12/2017.

Phùng Văn G1 khai nhận: Do trước đó đã được trao đổi mua bán ma túy với Ninh Văn T1, sinh năm 1955 (trú tại phố H2, xã H2, huyện K, tỉnh Cao Bằng, nên khoảng 14 giờ ngày 31/01/2018 trên đường đi chợ huyện T2 về nhà, G1 có bảo con rể đang lái xe ô tô là Hoàng Văn N1, sinh năm 1988 (trú tại xóm

R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) dừng xe trước cửa nhà ông T1, mục đích để mua ma túy. Khi xe dừng, G1 gọi ông T1, thì có bà Phan Thị P3 (thường gọi là L3, vợ ông T1) đi ra, G1 đưa cho bà L3 số tiền 80.000.000,đ (tám mươi triệu đồng) và dặn “Đưa cho bác” (ông T1). Đến khoảng 18 giờ, khi thấy ông T1 gọi điện thoại nói “Chú à” thì G1 hiểu đã có ma túy và đi xe máy đến nhà ông T1 (ở phố H2) lấy được 03 (ba) gói Heroine, được bọc trong một gói ni lon màu đen. G1 cầm gói Heroine về đến nhà thì bị khám xét, thu giữ vật chứng như đã nêu ở trên. Quá trình điều tra, Phùng Văn G1 không thừa nhận việc bán ma túy cho Nông Văn P1 mà chỉ thừa nhận cuối tháng 12/2017, G1 đã được mua với Ninh Văn T1 01 (một) gói Heroine giá 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng) đem về sử dụng và trả công chăn trâu cho một số người sử dụng ma túy. Cụ thể như sau: Trong tháng 01/2018, G1 đã trả công chăn trâu bằng 01 gói Heroine trị giá 50.000,đ (năm mươi nghìn đồng) cho NLC6 (trú tại xóm L1, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng); trả công chăn trâu cho NLC4 (ở xóm R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) 02 gói Heroine, mỗi gói trị giá 100.000,đ (một trăm nghìn đồng); đổi 01 gói Heroine trị giá 100.000,đ (một trăm nghìn đồng) lấy 01 chiếc quạt cóc với NLC5 (trú tại xóm R 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng).

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05, ngày 26/12/2017 đối với vật chứng thu giữ của Nông Văn P1; ra Quyết định trưng cầu giám định số 11, ngày 01/02/2018 đối với vật chứng thu giữ của Phùng Văn G1; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 32, ngày 06/03/2018 về vật chứng thu giữ của Phùng Văn G1.

Tại bản kết luận giám định số 19/GĐMT, ngày 09 tháng 01 năm 2018 và số 43/GĐMT ngày 06 tháng 02 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “chất bột màu trắng gửi giám định ghi vụ Nông Văn P1 là ma túy, loại Heroine”; “Chất bột màu trắng gửi giám định ghi vụ Phùng Văn G1 là ma túy, loại Heroine”; tại Kết luận giám định số 1231/C54(TT2) ngày 14/03/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: “Hàm lượng Heroine trong mẫu gửi giám định ghi vụ Phùng Văn G1 là 51,3%”.

Hành vi trên đây của Phùng Văn G1 và Nông Văn P1 đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSCB(P1) ngày 14/06/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố: Phùng Văn G1 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm

2015; truy tố Nông Văn P1 về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phùng Văn G1, Nông Văn P1 đều khai nhận: Do bản thân sử dụng ma túy, nên các bị cáo đã mua ma túy về sử dụng cho bản thân, nếu có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo, không oan. Các bị cáo không có thắc mắc gì về bản cáo trạng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn N1, Triệu Văn L1 (con rể bị cáo G1) và bà Hoàng Thị N1 (vợ của bị cáo G1) đều khai: Số tiền 275.210.000đ (Hai trăm bảy mươi năm triệu hai trăm mười nghìn đồng) thu giữ trong két sắt của gia đình Phùng Văn G1 là tiền của Hoàng Văn N1 và Triệu Văn L1 góp mỗi người 100 triệu để cùng làm vốn đi chợ buôn trâu bò, số còn lại 75.210.000,đ và khoản tiền 5.500.000,đ triệu là tiền của bị cáo G1 bán cổ phần của Công ty Vật tư nông nghiệp tỉnh Cao Bằng và tiền bán lợn gà hàng năm tích góp được. Chiếc nhẫn kim loại màu vàng thu giữ trong két sắt gia đình là của chị Hoàng Thị N1, mua từ tiền tích góp cá nhân, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo G1, xin Hội đồng xét xử hoàn trả lại cho gia đình toàn bộ số tiền. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc nhẫn vàng cho chị Hoàng Thị N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa trình bày lời luận: Vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Nông Văn P1, Phùng Văn G1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Phùng Văn G1 20 năm tù. Và áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, xử phạt tiền đối với bị cáo Phùng Văn G1 số tiền là: 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 , điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt: Nông Văn P1 07 năm tù.

Áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng của vụ án, cụ thể: Tịch thu tiêu hủy 02 phong bì niêm phong đựng vật chứng vụ án; 01 lọ nhựa màu trắng, 01 hộp kim loại màu xanh lá cây, 01 chiếc kéo kim loại và một nửa lưỡi dao lam. Vì không có giá trị sử dụng và là vật Nhà nước cấm lưu hành. Tịch thu hóa giá phát mại sung vào ngân sách Nhà nước 02

chiếc điện thoại của bị cáo P1 và bị cáo G1 dùng vào việc giao dịch, trao đổi ma túy. Hoàn trả lại cho bị cáo Nông Văn P1 số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), 01 điện thoại di động MASSTEL màu đen, 01 (một) chiếc xe máy biển kiểm soát 11F4-54xx. Hoàn trả lại cho bị cáo Phùng Văn G1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4, số tiền 80.710.000,đ (Tám mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Hoàn trả lại cho anh Hoàng Văn N1 số tiền là: 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Hoàn trả lại cho anh Triệu Văn L1 số tiền là: 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

Luật sư A trình bày lời bào chữa cho bị cáo Phùng Văn G1: Về cơ bản nhất trí với kết luận của Kiểm sát viên về việc truy tố bị cáo G1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, nguyên nhân bị cáo phạm tội là một phần do năm 2012 bị cáo bị tai nạn giao thông, trên đầu có vết lõm, ảnh hưởng đến sức khỏe của bị cáo, nên bị cáo có sử dụng ma túy và bị cáo có được bán lại cho các đối tượng khác, mục đích để kiếm lời. Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo, khai ra những lần phạm tội trước đó và tỏ ra ăn năn hối cải. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Phùng Văn G1 nhất trí với luận cứ bào chữa của luật sư và trình bày lời bào chữa bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hàm lượng chất ma túy để xác định chính xác trọng lượng ma túy đối với bị cáo.

Bị cáo Nông Văn P1 nhất trí với bản luận tội của đại diện VKS không trình bày lời bào chữa.

Qua phân đối đáp tranh luận, người bào chữa và bị cáo Phùng Văn G1 nhất trí với quan điểm của đại diện viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Hoàng Văn N1, Triệu Văn L1, Hoàng Thị N1 đều nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Nông Văn P1, Phùng Văn G1 và những người tham gia tố tụng khác, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai nhận tội của các bị cáo Nông Văn P1, Phùng Văn G1 tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Lời khai của những người làm chứng; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 25/12/2017 của cơ quan CSĐT công an huyện K, tỉnh Cao Bằng đối với Nông Văn P1. Biên bản khám xét người và chỗ ở ngày 31/01/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K, tỉnh Cao Bằng đối với Phùng Văn G1. Qua cân xác định có khối lượng số ma túy thu giữ của Phùng Văn G1 là 120,34 gam (một trăm hai mươi phẩy ba mươi tư gam); qua cân xác định có khối lượng số ma túy thu được của Nông Văn P1 là 3,60 gam (ba phẩy sáu mươi gam); Tại bản kết luận giám định số 19/GĐMT, ngày 09/01/2018 và số 43/GĐMT ngày 06/02/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận: “Chất bột màu trắng gửi giám định ghi vụ Nông Văn P1 là ma túy, loại Heroine”; “Chất bột màu trắng gửi giám định ghi vụ Phùng Văn G1 là ma túy, loại Heroine”; Tại kết luận giám định số 1231/C54(TT2) ngày 14/3/2018 của Viện khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát kết luận: “Hàm lượng Heroine trong mẫu gửi giám định ghi vụ Phùng Văn G1 là 51,3%”.

Từ các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của Phùng Văn G1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi của Nông Văn P1 đã đủ các yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” được quy định tại điểm b khoản 2 điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố Các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo đều nhận thức được tác hại của chất ma túy đối với sức khỏe con người, nhận thức được hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” là vi phạm pháp luật. Nhưng do các bị cáo hám lời, coi thường pháp luật, nên đã mua bán trái

phép Heroine để kiếm lời. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, gây cản trở cho công tác đấu tranh phòng chống các tội phạm về ma túy của Đảng và Nhà nước ta. Mặt khác hành vi phạm tội của các bị cáo còn là nguyên nhân nảy sinh các các tội phạm khác. Do vậy cần phải có mức án thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm đảm bảo tính giáo dục riêng đối với các bị cáo và nhằm phòng ngừa tội phạm.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Đối với bị cáo Phùng Văn G1: Có nhân thân tốt, thể hiện ở việc bị cáo chưa có lần nào bị kết án hoặc xử phạt hành chính. Trong vụ án này, ngoài lần mua bán trái phép 120,34 gam Heroine mà Cơ quan CSĐT Công an huyện K, thu giữ được của bị cáo ngày 31/01/2018. Trong tháng 01/2018, bị cáo G1 còn trả công chăn trâu bằng 01 gói Heroine trị giá 50.000,đ (năm mươi nghìn đồng) cho NLC6; trả công chăn trâu cho NLC4 02 gói Heroine, mỗi gói trị giá 100.000,đ (một trăm nghìn đồng); Đổi 01 gói Heroine trị giá 100.000,đ (một trăm nghìn đồng) lấy 01 chiếc quạt cóc với NLC5. Do vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 2 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với bị cáo Nông Văn P1: Trọng lượng ma túy thu giữ của bị cáo Nông Văn P1 là 3,60 gam (Ba phẩy sáu không gam). Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có nhận thức, có hiểu biết pháp luật, nhưng do bản thân sử dụng ma túy, để có tiền mua ma túy về sử dụng, bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã mua Heroine về chia làm nhiều gói nhỏ để bán kiếm lời, cụ thể bị cáo đã bán cho NLC1 02 gói Heroine, giá mỗi gói 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng). Bán cho NLC3 02 gói Heroine, giá mỗi gói 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng). Bán cho NLC2 02 gói Heroine, giá mỗi gói 100.000,đ (Một trăm nghìn đồng). Bán cho NLC7 04 gói Heroine. Bán cho NLC6 02 gói Heroine, mỗi gói 100.000,đ (một trăm nghìn đồng). Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có lần nào bị kết án hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và quan điểm của người bào chữa về phần tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng

trách nhiệm hình sự, phân hình phạt và phân xử lý vật chứng đối với các bị cáo, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên cần chấp nhận.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Phùng Văn G1 có khai được mua ma túy với Ninh Văn T1, sinh năm 1955 (trú tại phố H2, xã H, huyện K, tỉnh Cao Bằng). Hồi 11 giờ 30 phút, ngày 09/02/2018, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ninh Văn T1. Tạm giữ 01 đầu thu nhãn hiệu Samsung và số tiền 80.000.000,đ (Tám mươi triệu đồng) để làm rõ. Tại cơ quan điều tra, Ninh Văn T1 không thừa nhận việc bán ma túy cho bị cáo Phùng Văn G1, việc trao đổi mua bán ma túy không có ai biết, do vậy không đủ căn cứ để xử lý Ninh Văn T1 trong vụ án này. Cơ quan điều tra đã trả lại số tài sản trên cho Ninh Văn T1 theo quy định của pháp luật.

Các đối tượng NLC1, NLC7, NLC3, NLC2, NLC6, NLC4 và NLC5 khai nhận việc mua ma túy phù hợp với lời khai của Nông Văn P1 và Phùng Văn G1, hành vi của các đối tượng chưa đến mức phải xử lý hình sự, cơ quan điều tra đã gọi hỏi, giáo dục và răn đe.

Cơ quan điều tra đã gọi hỏi Hoàng Văn N1 và Phan Thị P3, nhưng cả N1 và P3 đều khai nhận không biết và không liên quan đến việc mua bán ma túy của Phùng Văn G1, do vậy không có căn cứ để xử lý.

[4] Hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Xét thấy, tại phiên tòa bị cáo Phùng Văn G1 có khai: “Bị cáo cùng các con làm nghề kinh doanh buôn bán trâu bò, thu được lời lãi cao, nên bị cáo đã dùng số tiền trên để mua ma túy về sử dụng, nếu có ai hỏi mua thì bán lại kiếm lời. Do vậy, cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Còn đối với bị cáo Nông Văn P1 làm nghề nông, thu nhập không ổn định, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo P1.

[5] Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự xử lý vật chứng của vụ án:

* Tịch thu tiêu hủy số vật chứng không có giá trị sử dụng và vật Nhà nước cấm lưu hành cụ thể:

- 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: Tang vật vụ Nông Văn P1, mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 25/12/2017. Mặt sau có 04 hình con dấu của

cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cao Bằng, chữ ký của Nông Thị D, Hoàng Thu H, Trần Ngọc D, Nông Thị T và đối tượng Nông Văn P1.

- 01 P1 bì niêm P1 mặt trước ghi: Vật chứng vụ án Phùng Văn G1, mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 31/01/2018, mặt sau có 04 hình con dấu của cơ quan CSĐT công an Tỉnh Cao Bằng, chữ ký của Nông Thị D, Hoàng Thu H, Trần Ngọc D, Hoàng Đức C và đối tượng Phùng Văn G1.

- 01 lọ nhựa màu trắng hình trụ, đường kính khoảng 02cm X 05cm, vỏ ngoài có dán nhãn mác có chữ Trung Quốc, bên trong không đựng gì.

- 01 hộp kim loại màu xanh lá cây, có kích thước 9,5cm x 6cm x 2cm, bên trong hộp kim loại có nhiều mảnh giấy bạc màu vàng đã cắt vuông kích thước 4cm x 4cm,

- 01 chiếc kéo kim loại và một nửa lưỡi dao lam.

* Tịch thu hóa giá phát mại sung vào ngân sách nhà nước 02 chiếc điện thoại do các bị cáo sử dụng vào việc giao dịch, mua bán ma túy:

- 01 điện thoại NOKIA 1110I số IMEL : 353591/04/210140/3, màu đen - trắng, máy đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại (Của bị cáo P1).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đồng, máy đã qua sử dụng số IMEL 1: 351580075847208 ; IMEL 2: 351580075847216. Bên trong có 01 sim, không kiểm tra nguồn điện. (Của bị cáo G1).

* Trả lại cho bị cáo Nông Văn P1 những vật chứng sau:

- Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động MASSTEL màu đen đã qua sử dụng, số IMEL 1: 355020051287075, IMEL 2: 3550200551287083 bên trong không có sim.

- 01 (một) chiếc xe máy biển kiểm soát 11F4-54xx , số máy: 4R101161, kèm chìa khóa xe.

* Hoàn trả lại cho bị cáo Phùng Văn G1 số vật chứng:

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4,có số IMEL: 012850009010251, bên trong có 01 sim.

- Số tiền 80.710.000,đ (Tám mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Hoàn trả lại cho anh Hoàng Văn N1 (Trú tại: Xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) số tiền là: 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

* Hoàn trả lại cho anh Triệu Văn L1 (Trú tại: Xóm P 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) số tiền là: 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

Toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, theo biên bản giao nhận vật chứng số 41 ngày 19/6/2018.

[6] Về nghĩa vụ chịu án phí: Các bị cáo Phùng Văn G1, Nông Văn P1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phùng Văn G1, Nông Văn P1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phùng Văn G1: 20 (hai mươi) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 31/01/2018.

Phạt tiền đối với bị cáo Phùng Văn G1 số tiền là: 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194 , điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nông Văn P1: 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị bắt là ngày 25/12/2017.

2. Việc xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

* Xử tịch thu tiêu hủy:

- 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi: Tang vật vụ Nông Văn P1, mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 25/12/2017, mặt sau có 04 hình con dấu của cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Cao Bằng, chữ ký của Nông Thị D, Hoàng Thu H, Trần Ngọc D, Nông Thị T và đối tượng Nông Văn P1.

- 01(Một) phong bì niêm phong mặt trước ghi: Vật chứng vụ án Phùng Văn G1, mua bán trái phép chất ma túy bắt ngày 31/01/2018, Mặt sau có 04 hình con dấu của cơ quan CSĐT công an Tỉnh Cao Bằng, chữ ký của Nông Thị D, Hoàng Thu H, Trần Ngọc D, Hoàng Đức C và đối tượng Phùng Văn G1.

- 01 (một) lọ nhựa màu trắng hình trụ, đường kính khoảng 02cm, cao 05cm, vỏ ngoài có dán nhãn mác có chữ Trung Quốc, bên trong không đựng gì.

- 01 (Một) hộp kim loại màu xanh lá cây, có kích thước 9,5cm x 6cm x 2cm, bên trong hộp kim loại có nhiều mảnh giấy bạc màu vàng đã cắt vuông kích thước 4cm x 4cm,

- 01 (Một) chiếc kéo gấp bằng kim loại và 01 (Một) nửa lưỡi dao lam.

* Xử tịch thu hóa giá phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

- 01(Một) điện thoại NOKIA 1110I số IMEL : 353591/04/210140/3, màu đen - trắng, máy đã qua sử dụng, bên trong có 01 sim điện thoại.

- 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đồng , máy đã qua sử dụng số IMEL 1: 351580075847208 ; IMEL 2: 351580075847216. Bên trong có 01 sim, không kiểm tra nguồn điện.

* Xử hoàn trả lại cho bị cáo Nông Văn P1 những vật chứng sau:

- Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- 01 điện thoại di động MASTEL màu đen đã qua sử dụng, số IMEL 1: 355020051287075, IMEL 2: 3550200551287083 bên trong không có sim.

- 01 (một) chiếc xe máy biển kiểm soát 11F4- 54xx, số máy: 4R101161, kèm chìa khóa xe.

* Xử hoàn trả lại cho bị cáo Phùng Văn G1 số vật chứng:

- 01(Một) điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 4, có số IMEL: 012850009010251, bên trong có 01 sim.

- Số tiền 80.710.000,đ (Tám mươi triệu bảy trăm mười nghìn đồng). Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

* Xử hoàn trả lại cho anh Hoàng Văn N1 (Trú tại: Xóm R, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng) số tiền là: 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

* Xử hoàn trả lại cho anh Triệu Văn L1 (Trú tại: Xóm P 2, xã Đ, huyện K, tỉnh Cao Bằng), số tiền là: 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn).

Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng, theo biên bản giao nhận vật chứng số 41 ngày 19/6/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phùng Văn G1, Nông Văn P1, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,0đ (Hai trăm nghìn đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo Phùng Văn G1, Nông Văn P1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn N1, Triệu Văn L1, Hoàng Thị N1 có quyền kháng cáo phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng PC 47 Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại tạm giam CA tỉnh CB;
- Các Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương

